

[porno](#) [porn](#)

Hạch toán cổ phiếu u qu theo mệnh giá



Theo ĐTCK số 83, đã có bài viết “Cổ phiếu u qu có thể là bất cứ p h i” của ông Huy Nam, trong đó giới thiệu phương pháp hạch toán cổ phiếu u qu theo giá trị. Lần này, tác giả tiếp tục giới thiệu phương pháp hạch toán cổ phiếu u qu theo mệnh giá và nhận mệnh, nếu có một cách làm khác đi hai cách này, thì đó không thể được xem là giao dịch cổ phiếu u qu theo đúng bản chất nghiệp vụ hạch toán.

Phương pháp hạch toán

Trong phần “phương pháp hạch toán giá trị”, ta đã biết cách hạch toán giá trị xem việc mua cổ phiếu u qu là giao dịch tạm thời giữa đơn vị và đơn vị mua và việc mua lần này được ghi nhận vào một tài khoản để tính giá trị tài khoản và đơn vị (tài khoản cổ phiếu u qu) để ghi nhận đơn vị và đơn vị.

Với phương pháp hạch toán mệnh giá, ta sẽ thay cách nhìn và khác hẳn. Theo đó, cổ phiếu u qu “b” xem là số được huy ngay sau giao dịch mua lần. Nguyên tắc chung của cách hạch toán mệnh giá là việc nó tác động trực tiếp đến và góp phần, làm giảm ngay và mệnh giá (tức cổ phần) và tăng giá trị trên sổ sách. Nếu giá mua lần cao hơn nguyên giá sổ sách, thì khoản chênh lệch “bớt đi” này sẽ được trừ ngay vào tài khoản lần như nhận giá trị.

Cách hạch toán mệnh giá được tiến hành bằng bút tích ghi nợ tài khoản cổ phiếu u qu khoản mệnh giá, ghi nợ tài khoản tăng giá trị khoản chênh lệch giữa nguyên giá và mệnh giá và ghi có tài khoản tiền mặt.

Ví dụ minh họa:

Phân công pháp hạch toán cổ phiếu u theo mệnh giá

Để minh họa, ta lấy ví dụ ghi nhận nghiệp vụ hạch toán giá vốn để tiến so sánh. DN có phân có nguồn vốn chủ sở hữu trong bảng tổng kết toán như sau (Bảng 1).

Bảng 1		
Nguồn vốn chủ sở hữu		
Cổ phần phổ thông mệnh giá \$1		\$25.000
Số cổ phần đã phát hành: 25.000 CP		
Thặng dư vốn CP (so với mệnh giá)		\$25.000
Lợi nhuận giữ lại		\$15.283
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu		\$65.283

Bảng 2		
Tài khoản	Nợ	Có
Cổ phiếu quỹ	\$1.000	-
Thặng dư vốn CP	\$1.000	-
Lợi nhuận giữ lại (\$2 x 1.000 CP)	\$3.000	-
Tiền mặt	-	\$5.000

Bảng 3		
Nguồn vốn chủ sở hữu		
Cổ phần phổ thông mệnh giá \$1		\$24.000
Số cổ phần đã phát hành: 25.000 cổ phiếu, trong đó có 1.000 cổ phiếu là cổ phiếu quỹ		
Thặng dư vốn cổ phần (so với mệnh giá)		\$24.000
Lợi nhuận giữ lại		\$12.283
Tổng cộng nguồn vốn chủ sở hữu		\$60.283

Bảng 4		
Tài khoản	Nợ	Có
Tiền mặt	\$1.400	-
Cổ phiếu quỹ (200 x \$1)	-	\$200
Thặng dư vốn cổ phần (CPQ)	-	\$1.200

Bảng 5		
Tài khoản	Nợ	Có
Tiền mặt	\$900	-
Cổ phiếu quỹ (200 x \$1)	-	\$200
Thặng dư vốn cổ phần (phổ thông)	-	\$600

Bảng 6		
Nguồn vốn chủ sở hữu		
Cổ phần phổ thông mệnh giá \$1		\$24.500
Số cổ phần đã phát hành: 25.000 CP, trong đó có 500 CP là cổ phiếu quỹ		
Thặng dư vốn góp		\$25.800
Lợi nhuận giữ lại (2.500 USD bị chốt giữ cho giá vốn CPQ)		\$12.283
Tổng cộng nguồn vốn chủ sở hữu		\$62.583

Bảng 7		
Tài khoản	Nợ	Có
Cổ phần phổ thông	\$500	-
Cổ phiếu quỹ	-	\$500

Nguyên iá cổ phiếu u theo sổ sách trong ví dụ này là 2 USD/CP (mệnh giá 1 USD, thặng dư vốn 1 USD). Nếu DN mua lại 1.000 cổ phiếu u phổ thông đã phát hành với giá 5 USD/CP (cao hơn nguyên giá 3 USD/CP), thì DN sẽ thực hiện bút tích như t ký kế toán như trong Bảng 2.

Cổ phiếu u qu được ghi nhận đúng với giá trị mệnh giá ban đầu (chưa tách/gộp) là 1.000 USD, tài khoản thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận 1.000 USD theo nguyên giá sổ sách. Để ng thi, DN ghi nợ vào tài khoản l i nhu n giữ l i 3.000 USD - là chênh lệch giữa giá mua l i và nguyên giá sổ sách (5.000 USD - 2.000 USD). Về nguyên lý, khoản ghi nợ vào tài khoản l i nhu n giữ l i này (3.000 USD) được xem như phần “c t c” phân bổ ngay cho nghiệp vụ đồng (cho l i ng cổ phần) đã rút ra khỏi DN. Trong khi khoản tiến theo mệnh giá ghi nhận ở tài khoản cổ phiếu u qu thì hi n sẽ rút bớt số cổ phiếu u đang lưu hành (ở đây là 1.000 cổ phần).

Hi u l c của phân công hạch toán theo mệnh giá và cổ phiếu u qu trên bảng tổng kết kế toán

nhằm trong Bảng 3.

Mức tăng nguồn vốn chủ sở hữu đã giảm đi 5.000 USD (vốn mệnh giá giảm 1.000 USD, tăng dự trữ giảm 1.000 USD, lợi nhuận giữ lại giảm 3.000 USD) và còn lại 60.283 USD. Điều này cho thấy, mức độ có sự khác biệt về chi tiết kế toán, nhưng nếu so với phân tích pháp kế toán giá trị, thì cả hai đều cho kết quả như nhau. Vậy có thể nói, về mặt tài chính, tuy chi tiết về dòng đi nhận có khác nhau, nhưng cả hai phân tích pháp đều có cùng đích đến là giảm thiểu mất và giảm nguồn vốn chủ sở hữu.

Về kế toán, phân tích pháp mệnh giá làm giảm các tài khoản vốn chủ sở hữu một cách trực tiếp ngay sau giao dịch, mức độ trong thực tế “cổ phiếu qu” vốn được duy trì cho đến khi thực sự bán hay mua. Trong khi đó, phân tích pháp kế toán giá trị thì chỉ tạm thời làm giảm vốn chủ sở hữu thông qua mất tài khoản đầu vào (với tài khoản vốn chủ) và được liệt kê riêng trên bảng cân đối kế toán. Việc giảm vốn tạm thời thông qua tài khoản đầu vào này sẽ được loại trừ khi nào DN bán lại hoặc mua lại cổ phiếu qu đã mua.

Giả định DN tái phát hành (bán lại) 200 cổ phiếu (trong số cổ phiếu qu đã mua) với giá 7 USD/CP (bán cao hơn giá trị 2 USD/CP). Khi đó, DN sẽ ghi nhận khoản tiền nhận được vào tài khoản tiền mặt, ghi có vào tài khoản cổ phiếu qu khoản mệnh giá ban đầu, ghi có vào tài khoản tăng dự trữ khoản thu cao hơn mệnh giá ban đầu (đối với số cổ phiếu đã tái phát hành). Giao dịch này rất giống với phát hành cổ phiếu bình thường, chỉ khác là giao dịch này đây tính riêng cho các cổ phiếu qu (Bảng 4).

Nếu DN tiếp tục bán lại 300 cổ phiếu với giá 3 USD/CP (bán thấp hơn giá trị 2 USD/CP), thì các bút toán được ghi nhận như trong Bảng 5. Khi đó, mức vốn chủ sở hữu trên bảng tăng kết quả toán DN được thể hiện như trong Bảng 6.

Vốn theo mệnh giá tăng lại 500 USD (200 + 300), tăng dự trữ tăng 1.800 USD (1.200 + 600). Cần lưu ý là lợi nhuận giữ lại dù bị trích trừ trước đây không tăng lại, do tiền thu về từ việc tái phát hành cổ phiếu qu chỉ làm tăng vốn góp.

Giá trị tăng nguồn vốn chủ sở hữu đến đây bảng đúng với khoản này khi ta dùng phân tích thực giá trị. Sự khác biệt của phân tích thực chế yếu là việc cổ phiếu qu làm giảm trực tiếp giá trị mệnh giá bằng cổ phiếu nguyên thủy. Điều này như quán với quan điểm việc mua cổ phiếu

Phương pháp hạch toán cổ phiếu u theo mệnh giá

Administrator [\[Link\]](#)

000, 01/10/2012 02:32 - 0000 0000 0000, 05/11/2012 01:20

quyết định thực hiện theo phương pháp thực mệnh giá để xem như việc hủy bỏ số cổ phiếu đó. Ở đây, do DN mua lại 1.000 cổ phiếu u và tái phát hành 500 cổ phiếu u, giao dịch này thực tế đã làm giảm giá trị mệnh giá cổ phiếu u phổ thông là 500 USD, giảm thực tế vốn nguyên thủy 500 USD và bất kỳ khoản nào liên đến mệnh giá khi tái phát hành (bán lại) sẽ làm tăng thực tế vốn (trên tổng hợp này là 1.800 USD).

Cuối cùng, nếu DN chính thực quyết định hủy 500 cổ phiếu u quy còn lại thì bút toán ghi nhận sẽ như sau (Bảng 7).

DN ghi có cổ phiếu u quy để loại bỏ số dư tài khoản này và chuyển khoản giảm vĩnh viễn vốn này vào cổ phiếu phổ thông (số dư lúc này là 24.500USD). Điều đáng ghi nhận của phương pháp thực hạch toán mệnh giá là việc nó cho cái nhìn rõ số cổ phiếu u bị loại bỏ ra khỏi “cuộc chơi” (lưu ý thực sự lưu hành), là điều mà phương pháp giá vốn khó thực hiện được.

Kết luận

Việc hạch toán cổ phiếu u quy cần được thực hiện hoặc theo giá vốn hoặc theo mệnh giá. Nếu có một cách làm khác đi hai cách chính thống đã được trình bày, thì đó không thể được xem là giao dịch cổ phiếu u quy theo đúng bản chất nghiệp vụ kế toán. Yêu cầu mục đích thực hiện trong hạch toán theo cách thực giá là giúp và hỗ trợ cho việc hiểu đúng bản chất, cách làm đúng đắn, là cơ sở cho hiểu lý luận và thực tiễn và thực tiễn sẽ nhận được thêm niềm tin.

Người viết: VACPA.org.vn (Huy Nam, CV Kinh tế Tài chính CK- Giảng viên CFO, PFA /PAC - ĐTCK)